

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Ba bước tiến, một bước lùi

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đồng Thanh Tuấn

tuán.dt@miraeasset.com.vn

[Tóm tắt]

Nhìn lại diễn biến tuần qua

- **Bối cảnh toàn cầu:**

- Sắc đỏ bao phủ phần lớn các thị trường chứng khoán trọng điểm trong tuần qua trong bối cảnh lạm phát tiếp tục trở nên dai dẳng tại các quốc gia phát triển, qua đó có khả năng làm chậm quá trình hạ lãi suất chung; đặc biệt với lộ trình giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) trong năm 2025. Qua đó khiến cho lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm tại Mỹ và Đức đều đồng loạt tăng mạnh trong tuần qua. Trong khi đó, Hàn Quốc là một trong những điểm sáng của tuần với chỉ số Kospi tăng mạnh với tâm lý giao dịch chung dần cải thiện sau sự kiện ban bố Thiết Quân Luật diễn ra vào ngày 3/12 vừa qua.

- **Thị trường chứng khoán Việt Nam:**

- **VN-Index kết thúc chuỗi tăng điểm kéo dài ba tuần liên tiếp sau khi giảm 7,57 điểm và đóng cửa tại 1.262,57 (-0,6% WoW).** Sắc đỏ tuy bao phủ tại phần lớn các nhóm ngành có tỷ trọng vốn hóa lớn nhưng áp lực giảm điểm nhìn chung là không đáng kể khi chỉ số sàn HOSE liên tục biến động với biên độ hẹp khoảng 10 điểm. Tại đây, chúng tôi cho rằng nhịp giảm điểm của tuần qua đóng vai trò hạ nhiệt cần thiết cho thị trường kết hợp với sự thận trọng cần thiết của các nhà đầu tư nói chung trước một tuần giao dịch có nhiều sự kiện kinh tế quan trọng bao gồm các quyết định lãi suất đến từ Fed, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) và Ngân hàng Trung ương Anh Quốc (BoE).
- Trong bối cảnh thanh khoản giảm mạnh với giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt khoảng 11,4 nghìn tỷ đồng (-15% WoW), khối ngoại và nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước đều đồng loạt bán ròng với tâm điểm xoay quanh nhiều nhóm cổ phiếu Ngân hàng, IT và Bán lẻ.
- **Triển vọng:** Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm của kỳ báo cáo gần nhất về việc thị trường sẽ tiếp tục ghi nhận các nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn nhằm thiết lập một mặt bằng giá mới tại 1.250 – 1.260 điểm trước khi tiếp đà chinh phục vùng cản tâm lý 1.300 điểm. Trong khi đó, chúng tôi đồng thời khuyến nghị sự thận trọng cần thiết trước tuần giao dịch dự kiến ghi nhận nhiều thông tin trái chiều đến từ phía thị trường quốc tế trong khi tuần giao dịch đáo hạn hợp đồng tương lai sẽ là một yếu tố cần phải theo dõi; đặc biệt thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động đi ngang cùng thanh khoản thấp.

Thông tin cần theo dõi trong tuần tới

- PMI Sản xuất và Dịch vụ tại Úc, Nhật Bản, Châu Âu và Hoa Kỳ
- Quyết định lãi suất đến từ Fed, BoJ, BoE và PBoC
- Biên bản dự phóng kinh tế của FOMC
- Lạm phát tại UK, Nhật

① Bối cảnh toàn cầu

Quốc gia	Chỉ số	Giá đóng cửa	%WoW
Việt Nam	VNINDEX	1.262,57	-0,60%
Mỹ	SPX	6.051,09	-0,64%
Canada	TSX	25.274,29	-1,63%
Nhật	NKY	39.470,44	0,97%
Trung Quốc	SHCOMP	3.391,88	-0,36%
Hồng Kông	Hang Seng	19.971,24	0,53%
Đài Loan	TWSE	23.020,48	-0,75%
Hàn Quốc	KOSPI	2.494,46	2,73%
Ấn Độ	SENSEX	82.133,12	0,52%
Indonesia	JCI	7.324,79	-0,79%
Thái Lan	SET	1.431,67	-1,40%
Singapore	STI	3.810,35	0,37%
Malaysia	FBMKLCI	1.608,75	-0,28%
Philippines	PSEi	6.616,51	-1,67%
UK	FTSE 100	8.300,33	-0,10%
Pháp	CAC 40	7.409,57	-0,23%
Đức	DAX	20.405,92	0,10%
Nga	MOEX	2.485,20	-2,01%
Úc	ASX 200	8.295,96	-1,48%
New Zealand	NZX 50	12.754,26	-0,43%

Canada:

- Ngân hàng Trung ương Canada (BoC) hạ lãi suất 50 điểm cơ bản về 3,25%. Dù phù hợp với kỳ vọng chung của thị trường, quyết định lần này diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng GDP trong quý 3 thấp hơn dự phóng của BoC và chỉ đạt 1,5% YoY, đồng thời cho thấy khả năng tiếp tục tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng trong 3 tháng cuối năm 2024.

Hoa Kỳ:

- CPI tiếp tục tăng tốc trong tháng 11 với mức tăng 2,7% YoY (T10: +2,6%) trong khi CPI cơ bản ổn định trong ba tháng gần nhất tại 3,3% YoY.

Châu Âu:

- Lạm phát tiếp tục tăng tốc tại khu vực đồng Euro trong tháng 11 với CPI tại Đức và Pháp ghi nhận mức tăng lần lượt 2,2% YoY (T10: +2%) và 1,3% YoY (T10: +1,2%)

Trung Quốc:

- Hoạt động xuất khẩu tại Trung Quốc tiếp tục bùng nổ với mức tăng trưởng trong tháng 11 đạt 6,7% YoY và ghi nhận giá trị xuất khẩu lớn nhất kể từ tháng 10/2022, kéo dài chuỗi tăng trưởng kéo dài 8 tháng liên tiếp.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Thị trường hàng hóa

Loại hàng hóa	Tên	Đơn vị	Giá (USD)	% DoD	% WoW	% MoM	YTD	% YoY	% 3Y
Tiền điện tử	Bitcoin	USD/BTC	101.855,1	2,1%	2,0%	11,9%	141,0%	142,9%	108,4%
	Vàng	USD/ozt	2.675,8	-1,2%	0,6%	3,2%	27,9%	30,2%	51,4%
Kim loại	Bạc	USD/ozt	31,03	-1,9%	-1,8%	0,6%	27,6%	28,5%	44,0%
	Thép cuộn Mỹ (HRCc3)	USD/st	745	2,1%	-2,0%	-0,7%	-25,1%	-31,7%	-44,5%
	Quặng sắt 62%	USD/mt	105,49	0,0%	-0,8%	3,8%	-22,6%	-21,9%	-3,4%
	Đồng	USD/Lbs	4,2	-1,1%	0,0%	2,1%	7,4%	7,7%	0,4%
	Platin (bạch kim)	USD/ozt	924,3	-1,7%	-1,0%	-2,2%	-8,3%	-3,5%	3,4%
	Paladi	USD/ozt	961,7	-3,0%	-0,4%	0,7%	-13,9%	-20,0%	-40,2%
	Nhôm	USD/tấn	2.615	0,4%	0,2%	-1,6%	9,7%	16,4%	0,7%
	Kẽm	USD/tấn	3.088	0,3%	0,5%	4,8%	16,2%	22,0%	-5,6%
	Ni-ken	USD/tấn	15.876	-1,9%	-0,9%	2,5%	-4,4%	-7,4%	-17,0%
	Dầu Thô WTI	USD/thùng	71,29	1,8%	6,1%	6,4%	-0,5%	-0,2%	0,6%
Năng lượng	Dầu Brent	USD/thùng	74,49	1,5%	4,7%	5,2%	-3,2%	-3,0%	1,0%
	Khí Tự nhiên	USD/MMBtu	3,28	-5,2%	6,6%	5,9%	41,0%	35,3%	-12,8%
	Dầu Nhiên liệu	USD/gallon	2,27	1,3%	6,4%	4,0%	-10,2%	-12,6%	2,4%
	Lúa mì Hoa Kỳ	USD/100 giạ	552,25	-1,0%	-0,9%	2,9%	-12,1%	-12,2%	-27,0%
Thực phẩm	Thóc	USD/CWT	14,98	-0,2%	-0,7%	-0,4%	-14,5%	-14,0%	8,1%
	Yến mạch	USD/100 giạ	368,4	1,9%	9,4%	3,3%	-4,5%	-1,9%	-48,2%
	Bắp Hoa Kỳ	USD/100 giạ	442	-0,2%	0,5%	4,3%	-6,2%	-8,5%	-24,5%
	Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 giạ	988,25	-0,7%	-0,6%	-1,0%	-23,6%	-24,9%	-21,7%
	Dầu Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 Lbs	42,28	-0,9%	-1,6%	-7,1%	-12,3%	-15,7%	-21,0%
	Khô Đậu nành Hoa Kỳ	USD/100 tấn	286,2	-1,1%	-0,4%	-1,6%	-25,9%	-27,8%	-22,4%
	Ca Cao Hoa Kỳ	USD/tấn	11.300	8,6%	14,7%	32,9%	171,5%	169,2%	343,7%
	Cà phê Hoa Kỳ loại C	USD/100 Lbs	320,85	-0,1%	-3,5%	13,3%	72,3%	69,5%	35,2%
	Đường Hoa Kỳ loại 11	USD/100 Lbs	20,72	-0,8%	-5,0%	-4,0%	0,7%	-5,8%	7,4%
	Nước Cam	USD/100 Lbs	512,9	2,4%	1,8%	6,8%	64,1%	40,7%	294,7%
	Bê	USD/100 Lbs	193,68	0,0%	3,4%	5,9%	11,5%	15,1%	43,5%
	Heo nạc	USD/100 Lbs	85,63	1,4%	2,8%	7,7%	26,0%	19,1%	7,9%
	Bê đực non	USD/100 Lbs	257,65	-0,3%	0,7%	2,6%	15,5%	16,0%	57,7%
Khác	Gỗ	USD/MBF	540	0,0%	-5,0%	-5,3%	-0,7%	0,0%	-51,3%
	Cao su (TSR20)	USD/kg	198,7	-1,5%	-3,6%	9,1%	27,3%	39,3%	15,0%
	Cotton Hoa Kỳ loại 2	USD/100 Lbs	69,27	-1,2%	-3,0%	0,5%	-15,7%	-14,2%	-33,6%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 14/12/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Các sự kiện quốc tế cần theo dõi trong tuần tới				
Ngày	Quốc gia	Sự kiện	Kỳ trước	Kỳ vọng
16/12/2024				
5:00 AM	AU	PMI Sản xuất - Judo Bank (T12)	49,4	50,2
	AU	PMI Dịch vụ - Judo Bank (T12)	50,5	51,1
7:30 AM	JP	PMI Sản xuất - Jibun Bank (T12)	49,0	49,5
	JP	PMI Dịch vụ - Jibun Bank (T12)	50,5	51,4
8:30 AM	CN	Chỉ số giá nhà bình quân YoY (T11)	-5,9%	-6,0%
9:00 AM	CN	Sản lượng công nghiệp YoY (T11)	5,3%	5,3%
	CN	Doanh số bán lẻ YoY (T11)	4,8%	4,6%
	CN	Tỷ lệ thất nghiệp (T11)	5,0%	5,2%
4:00 PM	EA	PMI Sản xuất - HCOB (T12)	45,2	45,4
	EA	PMI Dịch vụ - HCOB (T12)	49,5	50,7
4:30 PM	GB	PMI Sản xuất - S&P Global (T12)	48,0	48,0
	GB	PMI Dịch vụ - S&P Global (T12)	50,8	49,5
9:45 PM	US	PMI Sản xuất - S&P Global (T12)	49,7	50,0
	US	PMI Dịch vụ - S&P Global (T12)	56,1	56,0
17/12/2024				
8:30 PM	US	Doanh số bán lẻ YoY (T11)	2,8%	3,8%
9:15 PM	US	Sản lượng công nghiệp YoY (T11)	-0,3%	0,1%
	US	Sản lượng sản xuất YoY (T11)	-0,3%	-0,1%
18/12/2024				
2:00 PM	GB	CPI YoY (T11)	2,3%	2,3%
	GB	PPI YoY (T11)	-0,8%	-0,6%
5:00 PM	EA	CPI YoY (T11)	2,0%	2,3%
	EA	CPI cơ bản YoY (T11)	2,7%	2,7%
19/12/2024				
2:00 AM	US	Quyết định lãi suất đến từ Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ	4,75%	4,50%
	US	Biên bản dự phóng kinh tế của FOMC		
10:00 AM	JP	Quyết định lãi suất đến từ Ngân hàng Trung ương Nhật Bản	0,25%	0,50%
7:00 PM	GB	Quyết định lãi suất đến từ Ngân hàng Trung ương Anh	4,75%	4,75%
20/12/2024				
6:30 AM	JP	CPI YoY (T11)	2,3%	2,5%
	JP	CPI cơ bản YoY (T11)	2,3%	2,3%
8:15 AM	CN	Lãi suất cho vay cơ bản - kỳ hạn 1 năm	3,1%	3,1%
	CN	Lãi suất cho vay cơ bản - kỳ hạn 5 năm (T12)	3,6%	3,6%
2:00 PM	DE	PPI YoY (T11)	-1,1%	-0,3%
	GB	Doanh số bán lẻ YoY (T11)	2,4%	1,9%
8:30 PM	US	PCE cơ bản YoY (T11)	2,8%	2,9%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp từ Trading Economics, Forex Factory và Bloomberg. Tất cả thời gian đều là giờ địa phương của Việt Nam.

Vĩ mô toàn cầu – Các thông tin cần theo dõi

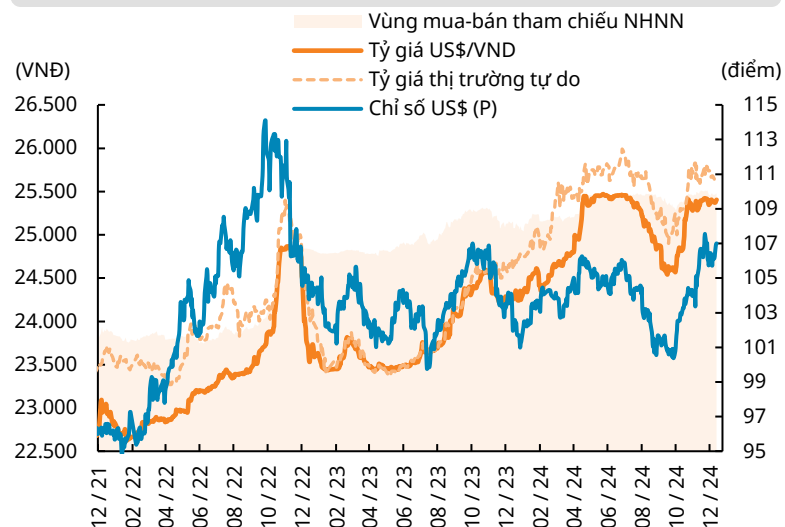
- PMI Sản xuất và Dịch vụ tại Úc, Nhật Bản, Châu Âu và Hoa Kỳ
- Quyết định lãi suất đến từ Fed, BoJ, BoE và PBoC
- Biên bản dự phóng kinh tế của FOMC
- Lạm phát tại UK, Nhật

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Lạm phát dai dẳng tại Mỹ có khả năng sẽ làm giảm lộ trình hạ lãi suất của Fed

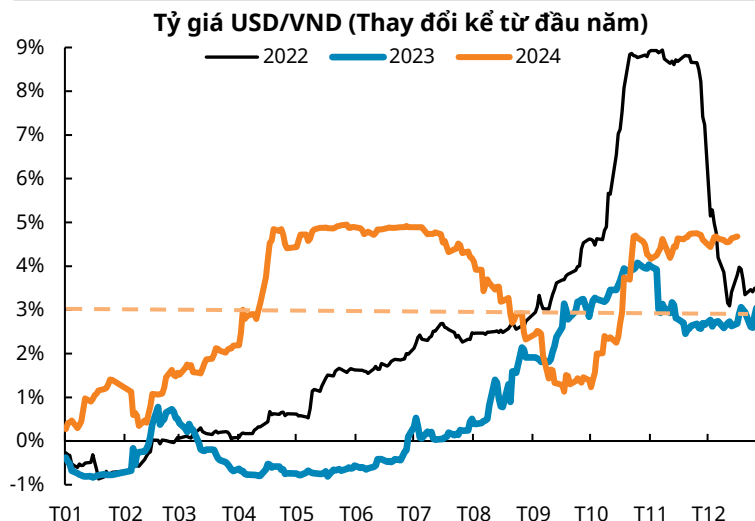
- Trong tuần qua, **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)** tiếp tục phát hành tín phiếu thông qua hoạt động thị trường mở (OMO) với tổng lượng tín phiếu phát hành đạt **17 nghìn tỷ đồng** trên cả hai kỳ hạn là **14 ngày và 28 ngày (lãi suất 4%)**. Bên cạnh đó, NHNN đồng thời điều tiết thanh khoản thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) với lượng RRP được phát hành đạt 51 nghìn tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%.
- Tính đến ngày 13/12, tỷ giá bán tại Vietcombank ổn định tại 25.477, tương ứng với mất giá tính từ đầu năm ghi nhận khoảng 4,33%.**
 - Dự kiến Fed sẽ tiếp tục hạ lãi suất thêm 25 điểm cơ bản trong kỳ họp tiếp theo vào ngày 17-18/12. Trong đó, lạm phát dai dẳng trong tháng 10 và tháng 11 vừa qua sẽ là những thách thức cần phải theo dõi đối với Fed về lộ trình hạ lãi suất trong năm 2025 khi thị trường lao động vẫn đang ổn định với lượng việc làm phi nông nghiệp tiếp tục tăng trưởng, tăng trưởng GDP lần tăng trưởng về tổng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết vẫn đang tăng tốc trong khi các yếu tố giảm phát đến từ giá xăng dầu trong thời gian qua đã giảm dần kể từ tháng 10 và dự kiến sẽ kéo dài qua tháng 12.
 - Với tốc độ hạ lãi suất có thể chậm hơn dự kiến của Fed sẽ là một thách thức đối với NHNN trong việc cân bằng tỷ giá, hạ mặt bằng lãi suất cũng như thúc đẩy tăng trưởng tín dụng trong nước; đặc biệt trong bối cảnh các áp lực về thanh khoản trong nước như việc Thông tư 02/2023/TT-NHNN hết hạn cùng với áp lực đáo hạn nợ trái phiếu sau thời gian ân hạn theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



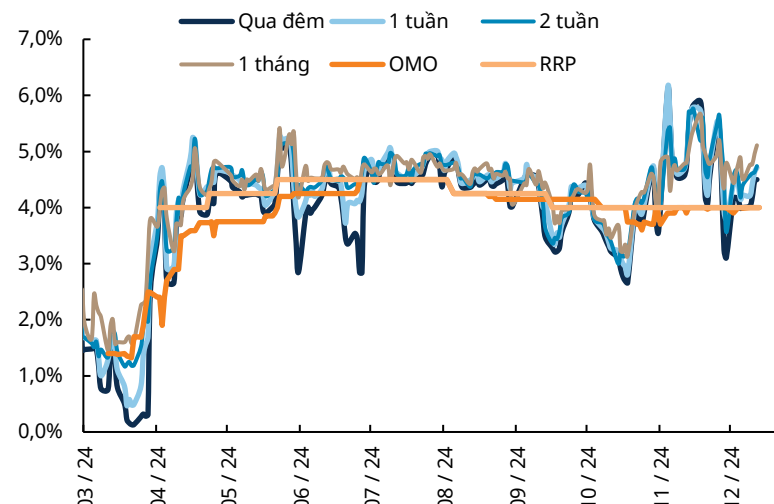
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN, cập nhật tới 13/12/2024

Tỷ giá bắt đầu hạ nhiệt sau nhiều nỗ lực của NHNN



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/12/2024

Lãi suất LNH duy trì ở mức cao với thanh khoản đột biến



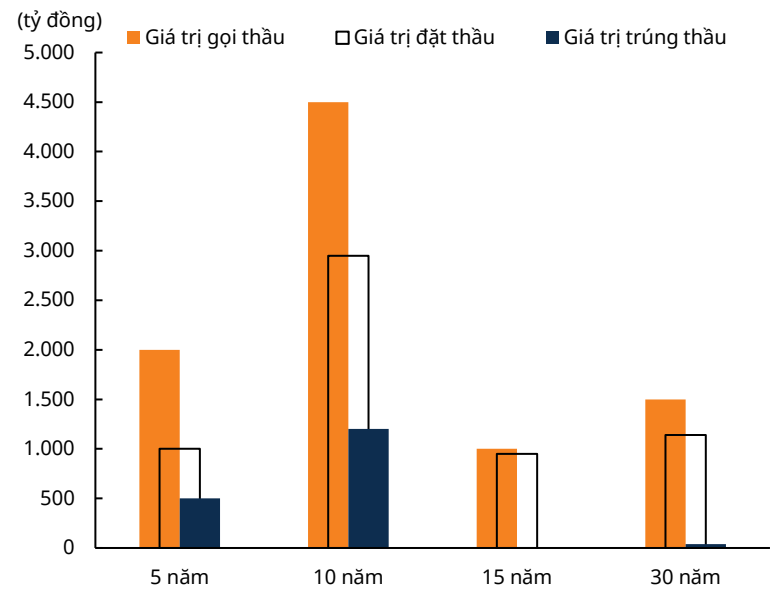
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 13/12/2024

② Kinh tế vĩ mô Việt Nam (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

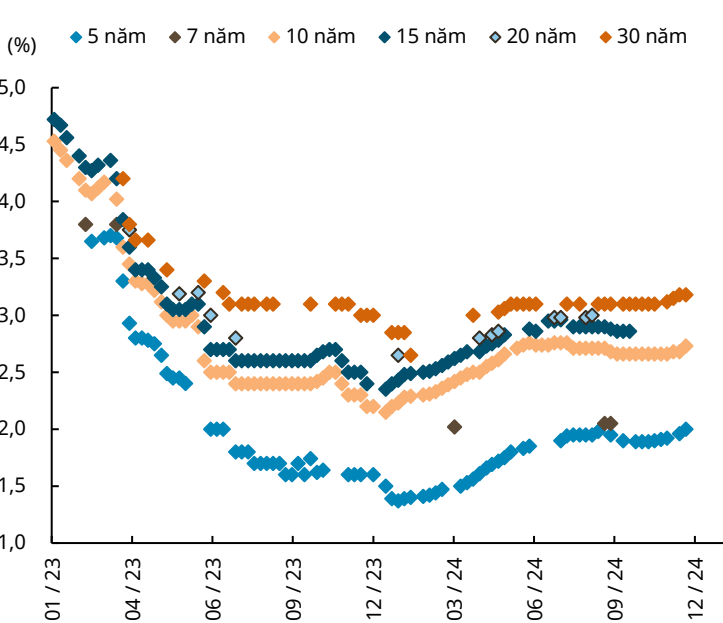
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong ngày 11/12, Kho bạc Nhà nước đã huy động thành công 1.740 tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 19% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt 0,67x.
 - Kết quả đấu thầu như sau: 5 năm (500 tỷ đồng), 10 năm (1.200 tỷ đồng), 30 năm (40 tỷ đồng).
 - Lợi suất trúng thầu tăng mạnh đối với kỳ hạn 5 năm và 10 năm. Cụ thể cho từng kỳ hạn là: 5 năm (2%, +4 bps), 10 năm (2,73%), 30 năm (3,18%).
 - Tính đến ngày 11/12, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 326,5 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt gần 81,6% kế hoạch của năm 2024.
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tăng đều trên mọi kỳ hạn.** Cụ thể, kết quả giao dịch lợi suất của các kỳ hạn như sau: 1 năm (1,86%, +1,6 bps); 2 năm (1,877%, +2,9 bps); 5 năm (2,137%, +13,7 bps); 7 năm (2,37%, +4,2 bps); 10 năm (2,844%, +4,6 bps); 15 năm (3,021%, +4,5 bps); 20 năm (3,081%, +8,1 bps); 30 năm (3,181%, +0,6 bps).

Giá trị trúng thầu từ buổi đấu thầu gần nhất



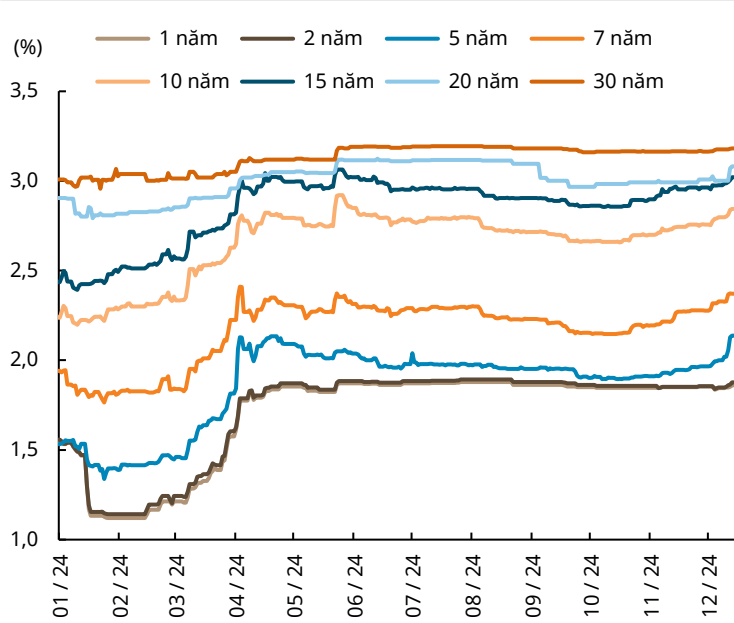
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 11/12/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 11/12/2024

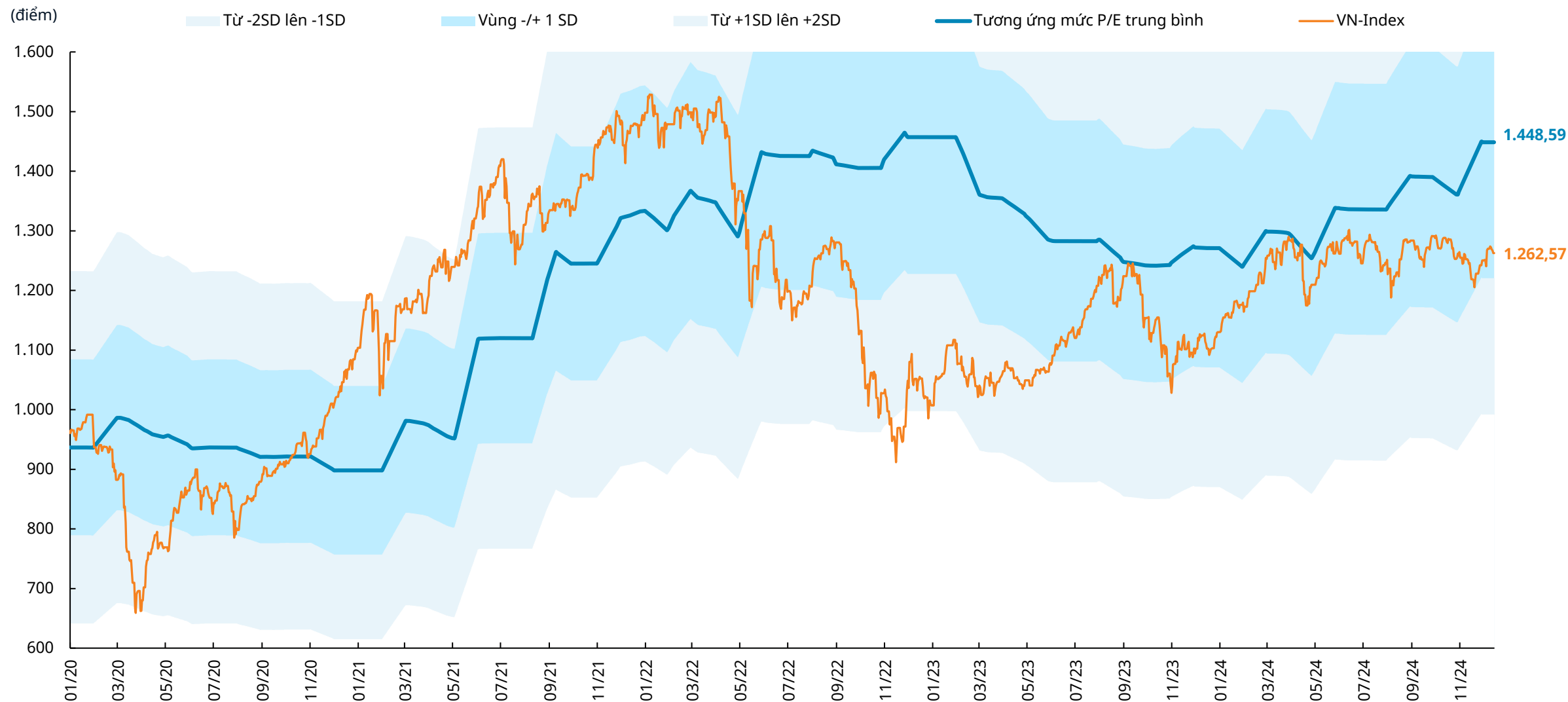
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 13/12/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam

Định giá VN-Index so với giá trị P/E bình quân trong 10 năm gần nhất



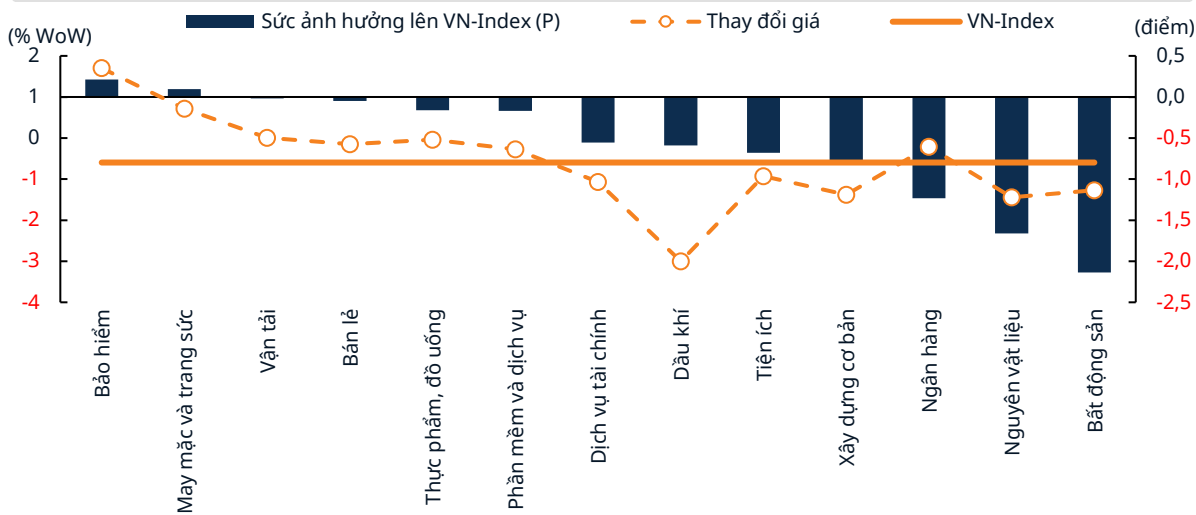
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/12/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Ba bước tiến
Một bước lùi

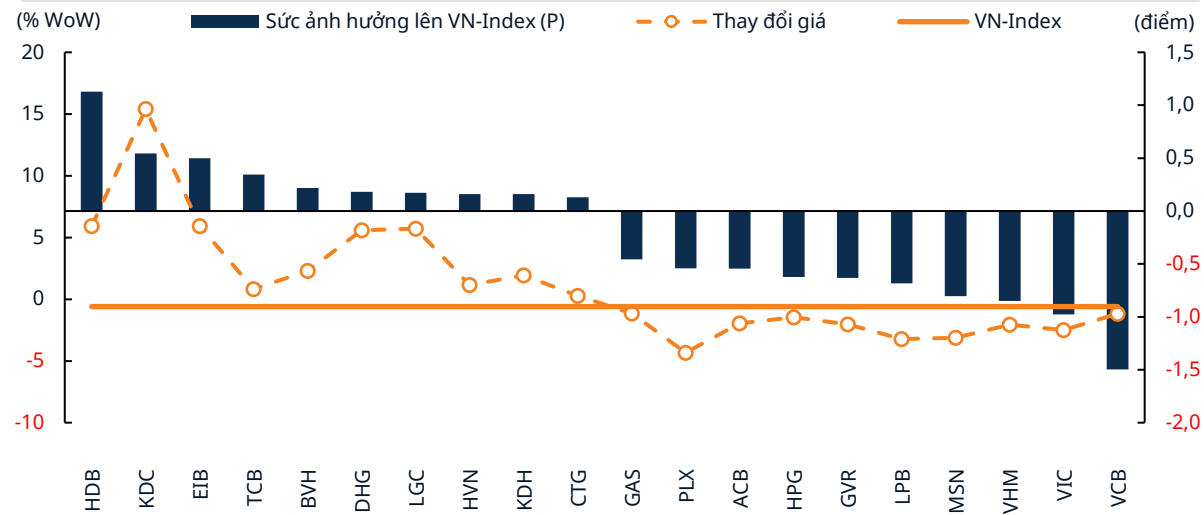
- VN-Index kết thúc chuỗi tăng điểm kéo dài ba tuần liên tiếp sau khi giảm 7,57 điểm và đóng cửa tại 1.262,57 (-0,6% WoW).** Sắc đỏ tuy bao phủ tại phần lớn các nhóm ngành có tỷ trọng vốn hóa lớn nhưng áp lực giảm điểm nhìn chung là không đáng kể khi chỉ số sàn HOSE liên tục biến động với biên độ hẹp khoảng 10 điểm. Tại đây, chúng tôi cho rằng nhịp giảm điểm của tuần qua đóng vai trò hạ nhiệt cần thiết cho thị trường kết hợp với sự thận trọng cần thiết của các nhà đầu tư nói chung trước một tuần giao dịch có nhiều sự kiện kinh tế quan trọng bao gồm các quyết định lãi suất đến từ Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed), Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) và Ngân hàng Trung ương Anh Quốc (BoE).
- Điểm sáng của tuần tiếp tục xoay quanh nhóm cổ phiếu Bảo hiểm, cụ thể là BVH (+2,31% WoW) với các thông tin xoay quanh động thái thoái vốn của Nhà nước lại một lần nữa dậy sóng; trong khi các cổ phiếu nổi bật với thanh khoản tốt như MIG (-2,58% WoW) và BMI (-1,18% WoW) đều đã hạ nhiệt.
- Triển vọng giao dịch trong tuần tiếp theo:**
 - Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm của kỳ báo cáo gần nhất về việc thị trường sẽ tiếp tục ghi nhận các nhịp điều chỉnh trong ngắn hạn nhằm thiết lập một mặt bằng giá mới tại 1.250 – 1.260 điểm trước khi tiếp đà chinh phục vùng cản tâm lý 1.300 điểm.
 - Trong khi đó, chúng tôi đồng thời khuyến nghị thận trọng trong tuần giao dịch nhiều thông tin trái chiều đến từ phía thị trường quốc tế khi lạm phát dai dẳng đến từ khu vực Châu Âu, Hoa Kỳ và Nhật Bản dự kiến sẽ ảnh hưởng đến tâm lý giao dịch chung thông qua các đợt công bố lãi suất và các biên bản dự phóng kinh tế trong tuần tới. Bên cạnh đó, áp lực giảm đối với thị trường Việt Nam dù trong trung và dài hạn vẫn duy trì xu hướng bền vững song tuần giao dịch đảo hạn sẽ là một yếu tố cần phải theo dõi; đặc biệt trong bối cảnh diễn biến giao dịch vẫn đang trong giai đoạn biến động đi ngang cùng thanh khoản thấp.

Hiệu suất giao dịch theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/12/2024

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index trong tuần qua



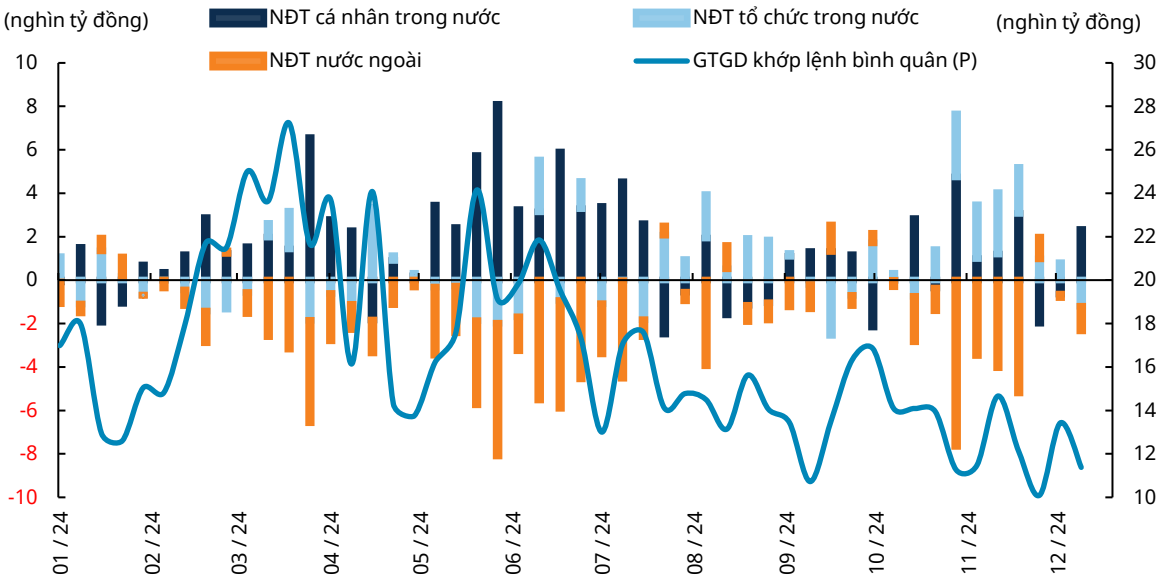
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 13/12/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Thận trọng trên vùng giá cao

- Tâm lý thận trọng tiếp tục bao phủ thị trường chung khi thanh khoản sụt giảm đáng kể tại phần lớn các nhóm ngành trong tuần giao dịch mà VN-Index liên tục biến động đi ngang trong biên độ hẹp.** Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân đạt khoảng 11,4 nghìn tỷ đồng mỗi phiên (-15% WoW).
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng 1,14 nghìn tỷ đồng trong tuần qua, nâng lượng bán ròng kể từ đầu năm đạt 89,3 nghìn tỷ đồng. Trong đó, phần lớn lượng bán ròng xoay quanh nhóm cổ phiếu Ngân hàng như VCB, VPB, BID cùng với các cổ phiếu thuộc nhóm Công nghệ như FPT và CMG.
- Bên cạnh đó, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước kết thúc chuỗi mua ròng kéo dài 7 tuần gần nhất sau khi bán ròng 1,19 nghìn tỷ đồng, giảm lượng mua ròng kể từ đầu năm về 12,77 nghìn tỷ đồng. Trong đó, nhóm Tự doanh bán ròng hơn 800 tỷ đồng với tâm điểm đồng thời xoay quanh các cổ phiếu Ngân hàng như VPB, STB, ACB, TCB.
- Ở một khía cạnh khác, **các quỹ ETF rút ròng chỉ gần 4 tỷ đồng trong tuần qua, với mức rút ròng kể từ đầu năm đạt khoảng về 20,37 nghìn tỷ đồng tính đến ngày 13/12.** Trong đó, phần lớn lượng rút ròng đến từ Fubon FTSE Vietnam (-64 tỷ) và DCFVMVN Diamond (-3,34 tỷ); được cân bằng với lượng giải ngân đến từ MAFM VN30 (+64 tỷ).

Giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư tại sàn HOSE



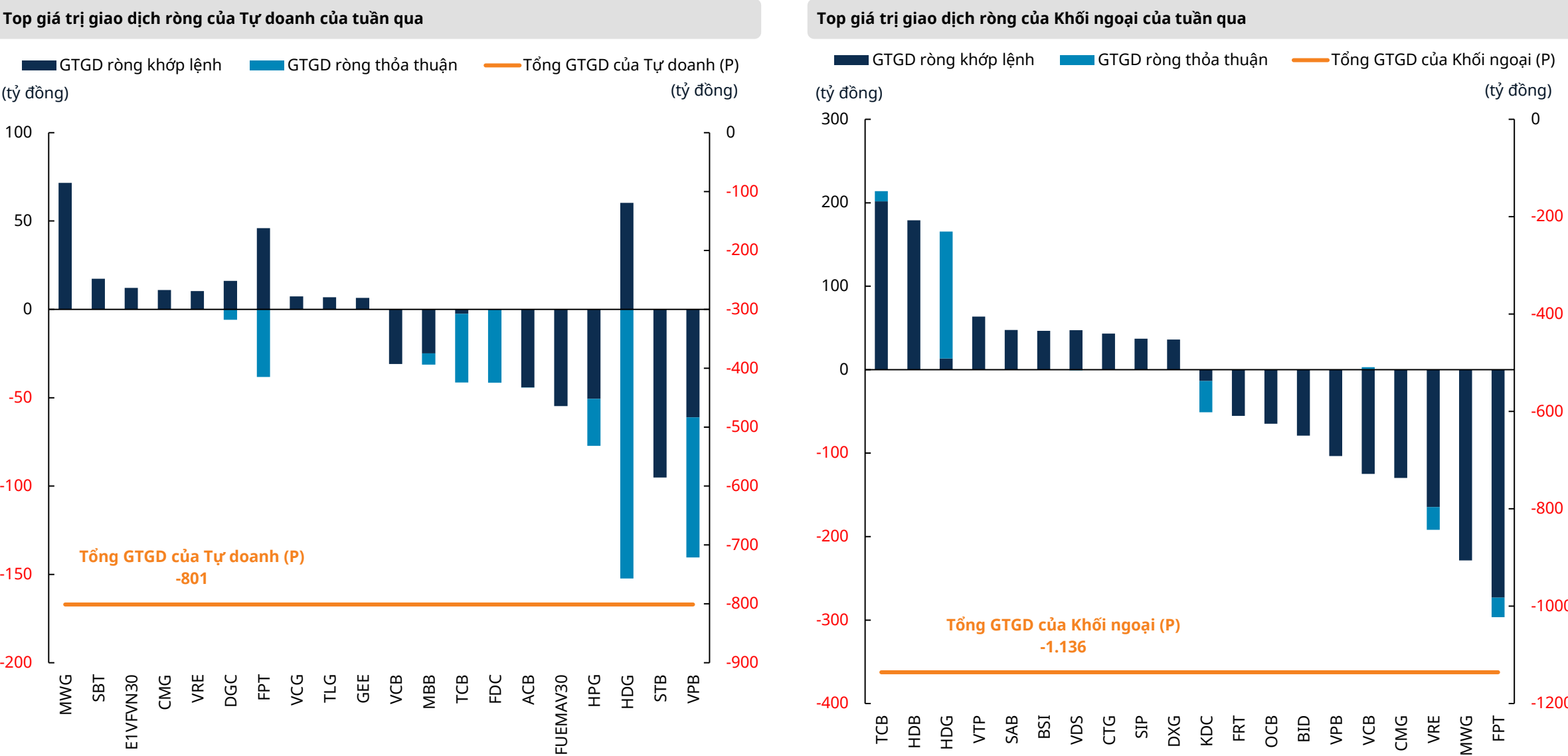
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg và FiinPro, cập nhật tới 13/12/2024

Đánh giá xếp hạng của chúng tôi về thanh khoản thị trường theo ngành ở 12 tuần gần nhất

Phân ngành công nghiệp GICS	Xu hướng dòng tiền trong 12 tuần				GTGD (WoW)
	22/11/2024	29/11/2024	6/12/2024	13/12/2024	
VN-Index				23%	-15%
Bảo hiểm				85%	-38%
May mặc và trang sức				77%	1%
Phần mềm và dịch vụ				62%	-18%
Tiện ích				62%	-11%
Nguyên vật liệu				54%	-16%
Vận tải				46%	-21%
Dịch vụ tài chính				38%	-27%
Xây dựng cơ bản				31%	-22%
Bất động sản				23%	-16%
Ngân hàng				15%	-1%
Thực phẩm, đồ uống				15%	-9%
Dầu khí				8%	-19%
Bán lẻ				8%	-23%

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam. **Quy tắc đánh giá của chúng tôi:** Mức độ tương đối của giá trị giao dịch từng ngành trong 12 tuần. **Tích cực (xanh)** biểu thị 33,33% cao nhất; **Tiêu cực (đỏ)** là thấp nhất; và **Trung lập (vàng)** là ở giữa.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 13/12/2024

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Fiinpro, cập nhật ngày 13/12/2024

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
VN-Index		5.196.715	1.262,57	1.305,02	1.099,32	-0,38	-0,60	1,33	13,3	14,8	1,7	12,5	16,81	24,22
VN30 Index		3.614.383	1.331,58	1.372,66	1.093,19	-0,30	-0,43	2,11	20,3	11,6	1,6	14,8	20,17	15,41
VN70 Index		1.019.446	1.887,77	2.031,02	1.667,20	-0,61	-0,64	0,68	11,4	17,9	1,5	8,8	14,05	35,08
VNFinLead Index		2.210.876	2.092,27	2.188,53	1.754,77	-0,24	-0,16	2,10	17,5	8,5	1,3	15,3	19,37	11,46
Ngân hàng	VCB	520.344	93.100	98.200	80.300	-0,43	-1,17	0,65	11,23	15,0	2,7	19,8	23,1	6,9
	BID	264.500	46.400	56.700	41.250	-0,43	-0,43	0,54	11,54	11,3	2,0	18,9	17,0	13,1
	CTG	195.199	36.350	37.550	26.350	0,14	0,28	5,82	35,89	9,0	1,4	16,5	26,9	3,1
	TCB	172.029	24.350	25.000	15.200	0,41	0,83	5,18	59,67	7,6	1,2	16,8	22,5	0,0
	VPB	151.935	19.150	20.950	17.800	-0,78	-1,03	-1,03	-0,26	11,5	1,1	10,8	25,2	4,8
	MBB	128.678	24.250	26.200	18.000	-0,21	-0,41	0,41	34,35	6,0	1,2	22,0	23,2	0,0
	ACB	112.336	25.150	26.500	19.609	-0,59	-1,95	1,00	29,70	6,9	1,4	22,3	30,0	0,0
	LPB	84.785	33.150	34.600	15.350	0,15	-3,21	4,25	109,81	8,8	2,1	28,8	0,6	4,4
	HDB	82.833	23.700	24.000	15.458	-0,84	5,92	10,88	50,88	6,3	1,6	28,1	16,7	3,3
	STB	64.097	34.000	36.450	26.150	0,59	0,59	1,80	23,86	7,3	1,2	18,4	23,4	6,7
	VIB	57.348	19.250	21.368	15.897	0,79	0,00	5,19	18,23	8,1	1,5	21,4	5,0	0,0
	SSB	49.187	17.350	21.128	15.200	-0,29	0,58	3,89	-12,79	10,5	1,5	15,0	0,2	4,8
	TPB	42.932	16.250	18.100	13.667	-0,61	0,00	0,62	14,71	8,8	1,2	14,2	30,0	0,0
	SHB	38.089	10.400	12.450	10.200	-0,95	0,48	-0,48	-4,59	4,9	0,7	14,6	2,9	27,1
	EIB	36.696	19.700	21.600	15.187	-0,25	5,91	5,63	10,94	13,6	1,5	11,8	2,6	27,4
	MSB	30.030	11.550	13.200	9.615	0,00	0,00	-1,28	17,76	6,8	0,9	13,3	27,5	2,5
	OCB	26.877	10.900	13.333	10.200	-3,11	0,46	1,40	-4,18	12,3	0,9	7,4	19,3	2,7
	NAB	21.961	16.000	17.750	11.360	-1,23	-0,93	3,23	41,84	5,8	1,2	22,7	1,1	28,9
Dịch vụ tài chính	SSI	50.616	25.800	31.461	23.800	-0,77	-2,09	1,38	0,20	16,5	2,0	12,6	39,8	60,2
	VCI	24.559	34.200	42.308	31.154	-0,73	-1,72	-1,16	8,70	23,9	2,3	10,2	25,1	74,9
	HCM	21.167	29.400	31.300	21.257	0,34	0,51	5,00	36,30	20,6	2,1	10,9	44,8	4,2
	VND	20.018	13.150	21.653	13.100	-0,75	-2,95	-8,36	-30,70	8,0	1,0	13,0	12,1	87,9
	VIX	14.658	10.050	14.131	9.098	-0,99	-1,47	-0,99	-9,17	15,3	0,9	6,0	4,2	95,8
	FTS	13.277	43.400	48.000	29.857	-0,23	-0,69	1,52	44,67	29,1	3,4	11,9	30,4	69,6
	SHS	10.734	13.200	20.900	13.000	-1,49	-2,94	-5,04	-27,47	11,2	1,0	9,1	3,5	45,5
	EVF	7.682	10.100	18.056	10.050	-1,46	-3,35	-7,76	-32,67	16,4	0,9	7,0	0,7	14,3
	TCI	942	8.150	12.314	7.560	0,87	0,25	1,24	-24,74	15,5	0,8	4,7	5,2	94,8

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 13/12/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Nguyên vật liệu	HPG	173.978	27.200	29.950	24.318	-1,09	-1,45	0,55	9,40	14,3	1,6	11,5	21,8	27,2
	GVR	125.600	31.400	38.200	19.650	-0,79	-2,03	-3,53	57,39	36,5	2,4	6,7	0,3	12,7
	DGC	43.637	114.900	134.000	87.800	-1,29	-0,26	-1,46	19,81	15,7	3,2	21,4	17,7	31,3
	DCM	19.482	36.800	40.050	29.850	-0,27	-1,74	-2,65	13,23	14,1	2,0	14,3	6,3	42,7
	DPM	13.814	35.300	39.950	31.050	-0,42	-3,29	3,67	5,06	21,2	1,2	5,8	8,9	40,1
	HSG	11.426	18.400	25.600	18.300	-1,87	-1,34	-7,77	-12,80	22,2	1,0	4,7	9,3	39,7
	PHR	7.425	54.800	65.900	47.300	-6,80	-6,16	-3,52	15,61	19,3	1,9	10,4	18,1	30,9
	NKG	5.002	19.000	27.150	18.950	-2,06	0,00	-8,43	-16,30	11,1	0,9	8,0	7,7	42,3
	DPR	3.354	38.600	45.800	29.300	-1,03	-0,77	0,13	31,29	13,0	1,4	10,5	5,1	45,0
Bất động sản	VHM	166.966	40.650	46.000	34.600	-0,25	-2,05	0,87	-0,25	8,5	0,9	11,0	11,7	38,3
	VIC	156.005	40.800	48.700	40.300	-0,24	-2,51	0,49	-7,06	15,7	1,1	7,5	10,1	37,9
	BCM	70.070	67.700	74.000	50.700	0,30	0,59	-0,29	5,95	26,7	3,7	15,3	2,1	31,9
	VRE	39.425	17.350	27.200	17.200	0,29	-1,98	-4,14	-24,57	9,7	1,0	10,5	19,7	29,3
	KDH	34.834	34.450	35.909	27.045	-0,29	1,92	2,84	21,46	70,5	2,0	2,9	36,4	13,6
	KBC	21.378	27.850	35.900	24.600	-1,42	-2,96	-5,75	-11,45	47,7	1,2	2,4	18,8	30,2
	NVL	20.379	10.450	18.700	10.100	-0,48	-1,88	-3,24	-38,53	#N/A N/A	0,6	-7,5	4,6	44,4
	PDR	18.773	21.500	29.724	16.950	-0,69	-2,27	1,90	-9,69	39,2	1,7	4,5	7,5	42,5
	VPI	18.499	57.800	59.600	44.583	-0,34	-1,37	0,17	25,20	66,2	4,2	6,6	10,8	38,2
	NLG	14.429	37.500	45.850	35.000	-0,92	-2,09	-4,82	3,59	50,1	1,6	3,2	47,0	3,0
	DXG	12.829	17.800	20.300	12.550	-1,11	0,56	8,54	-1,58	92,1	1,2	1,3	18,6	31,4
	CEO	7.566	14.000	23.143	13.500	-0,71	-2,78	-6,04	-36,09	44,9	1,2	2,8	4,8	44,3
	DXS	4.482	7.740	8.680	5.500	0,91	2,38	13,99	2,38	#N/A N/A	0,8	-0,2	18,9	31,1
	LHG	1.828	36.550	43.700	29.100	-0,95	-2,27	-2,01	21,63	9,2	1,1	12,7	18,0	31,0
Xây dựng cơ bản	REE	31.322	66.500	72.000	47.826	0,76	-1,92	1,68	32,54	17,2	1,7	10,4	49,0	0,0
	IDC	18.546	56.200	64.300	50.500	-0,35	-0,18	-1,40	10,63	8,5	3,5	45,2	22,6	26,4
	GEX	15.899	18.500	25.300	17.800	-0,80	-2,89	-2,63	-18,50	15,2	1,2	8,0	5,8	44,3
	HUT	14.102	15.800	20.700	15.100	0,00	-0,63	-2,47	-23,30	190,1	1,6	0,9	1,5	48,5
	CTR	13.783	120.500	162.000	86.100	-1,39	-3,21	-12,81	34,79	26,0	8,2	30,2	10,0	39,0
	DIG	12.532	20.550	33.950	19.650	-0,96	-1,44	-0,24	-20,35	444,5	1,6	0,4	4,7	44,3
	VCG	10.475	17.500	23.482	17.050	-1,41	-1,96	0,29	-20,33	13,0	1,3	10,8	4,8	44,2

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 13/12/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
Xây dựng cơ bản	TCH	10.357	15.500	21.650	12.400	-1,27	-1,90	3,68	22,53	11,0	1,1	10,7	5,1	45,9
	BMP	10.282	125.600	136.100	89.100	-0,95	-0,79	0,48	38,78	10,1	3,5	34,4	84,0	16,0
	HDG	10.191	30.300	32.000	22.591	-0,33	0,33	5,21	19,04	15,3	1,6	11,2	20,0	30,0
	PC1	8.172	22.850	27.783	21.304	0,00	-1,72	-2,35	-4,27	19,2	1,5	8,1	13,1	36,9
	SZC	7.730	42.950	45.000	34.071	0,94	0,23	1,42	23,68	26,8	2,6	11,7	2,3	17,7
	CTD	6.605	66.100	78.100	61.000	-0,60	-1,64	-6,24	5,93	19,8	0,8	3,9	49,0	0,0
	IJC	5.175	13.700	16.950	12.340	-1,08	1,11	3,01	7,89	17,5	1,0	5,8	4,8	44,2
Thực phẩm và Đồ uống	DPG	3.181	50.500	62.500	38.000	-1,56	-4,17	-4,54	29,49	15,2	1,7	11,7	6,4	42,6
	VNM	134.175	64.200	75.600	63.300	-0,62	0,16	-1,23	-5,87	15,6	4,3	27,7	51,6	48,5
	MSN	102.267	71.100	81.400	63.000	-1,39	-3,13	-2,60	8,05	78,7	3,5	4,8	26,4	22,6
	SAB	73.619	57.400	69.400	52.000	-0,17	-0,52	1,06	-10,31	17,2	3,0	17,2	60,8	39,2
	KDC	16.722	57.700	62.624	49.600	2,12	15,40	14,71	-0,06	N/A	2,5	-6,7	18,4	31,6
	VHC	16.295	72.600	80.000	60.333	-0,82	-0,14	-1,89	15,24	17,8	1,9	10,4	28,4	71,6
	HAG	13.112	12.400	15.050	10.100	0,00	4,20	9,73	-8,49	6,8	1,6	25,8	2,6	46,4
	SBT	9.552	12.900	13.900	10.700	-0,77	1,18	5,31	-3,37	15,9	1,0	6,4	21,5	78,5
	DBC	8.952	26.750	32.304	21.335	-1,65	-1,65	-4,12	21,46	12,8	1,4	9,6	7,2	41,8
Tiện ích	PAN	4.794	22.950	25.700	19.200	0,66	1,10	-1,50	15,33	8,4	1,0	11,9	18,0	31,0
	GAS	160.239	68.400	83.725	68.200	-0,15	-1,16	-1,58	-9,27	14,6	2,8	18,5	1,8	47,2
	POW	28.688	12.250	15.300	10.450	-0,41	-1,61	4,70	7,46	21,1	0,9	4,3	3,7	45,3
	BWE	10.084	45.850	48.050	35.088	0,11	-1,93	2,12	24,75	18,8	1,9	10,9	11,5	37,5
Dầu khí	PLX	49.172	38.700	51.700	33.750	-1,78	-4,33	-0,51	11,53	16,4	1,9	11,9	17,6	2,4
	PVS	16.155	33.800	47.300	31.800	-0,59	-0,29	-7,40	-10,82	15,0	1,2	8,3	19,9	29,1
	PVD	13.119	23.600	34.300	23.000	-1,46	-1,67	-0,84	-14,18	23,6	0,8	4,5	10,7	38,3
	PVT	9.612	27.000	32.000	22.909	-0,37	-0,74	-3,91	15,79	8,9	1,3	15,2	12,5	36,5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 13/12/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

③ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

Ngành	Mã cổ phiếu	Vốn hóa (tỷ đồng)	Giá (VNĐ)			Biến động giá (%)				Chỉ số định giá (12T gần nhất)			Sở hữu khối ngoại	
			Giá đóng cửa	Cao nhất 52 tuần	Thấp nhất 52 tuần	1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	P/E	P/B	ROE (%)	Hiện tại (%)	Còn lại (%)
May mặc và trang sức	PNJ	32.777	97.000	109.600	78.800	0,21	0,62	4,30	20,65	16,0	3,1	20,2	49,0	0,0
	TCM	4.833	47.450	53.600	36.273	-0,94	-1,96	2,04	24,72	21,9	2,2	10,6	49,5	0,5
	PTB	4.244	63.400	76.500	53.900	-0,31	-1,55	-2,46	8,75	12,8	1,5	11,9	23,7	1,3
	MSH	3.901	52.000	53.500	36.000	-1,33	4,42	0,97	40,54	11,5	2,0	18,5	4,6	44,4
	TNG	3.102	25.300	28.300	17.500	-1,56	-1,17	0,00	40,12	10,8	1,7	15,9	17,3	31,7
Bảo hiểm	BVH	39.492	53.200	54.800	38.200	0,57	2,31	17,70	31,36	20,0	1,7	8,9	26,7	22,3
	MIG	3.465	17.450	21.664	15.334	1,16	-2,58	10,75	8,18	12,0	1,6	13,3	16,9	83,1
Bán lẻ	MWG	89.177	61.000	70.200	40.500	1,67	-0,16	-1,45	46,28	30,1	3,3	11,8	46,3	2,8
	FRT	24.782	181.900	188.000	97.400	-0,33	0,22	8,86	81,90	234,7	13,7	6,0	36,3	12,7
Phần mềm và dịch vụ	FPT	219.925	149.500	151.900	81.826	-0,47	0,00	8,49	80,59	29,2	7,4	28,1	45,9	3,2
	CMG	10.320	54.200	74.600	37.000	-2,69	-6,39	-7,82	39,33	31,5	3,8	12,4	36,3	13,7
Vận tải	VJC	55.461	102.400	119.400	99.000	-0,49	-0,39	-1,16	-2,48	40,7	3,3	8,5	13,3	16,7
	GMD	27.281	65.900	73.671	57.148	-0,75	-2,23	0,15	12,30	18,5	2,6	14,7	48,9	0,1
	VTP	17.025	139.800	145.500	47.700	2,79	-1,55	22,74	187,65	61,7	11,4	18,5	7,5	41,5
	HAH	5.994	49.400	51.300	30.696	-1,00	-0,80	7,16	56,29	15,1	2,0	14,2	13,2	16,8
	HHV	4.798	11.100	15.429	10.400	-1,77	-1,77	-1,77	-23,82	12,8	0,6	4,5	8,5	40,5

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 13/12/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul) One-Asia Equity Sales Team Mirae Asset Center 1 Building 26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539 Korea Tel: 82-2-3774-2124	Mirae Asset Securities (HK) Ltd. Units 8501, 8507-8508, 85/F International Commerce Centre 1 Austin Road West Kowloon Hong Kong Tel: 852-2845-6332	Mirae Asset Securities (UK) Ltd. 41st Floor, Tower 42 25 Old Broad Street, London EC2N 1HQ United Kingdom Tel: 44-20-7982-8000
Mirae Asset Securities (USA) Inc. 810 Seventh Avenue, 37th Floor New York, NY 10019 USA Tel: 1-212-407-1000	Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc. 555 S. Flower Street, Suite 4410, Los Angeles, California 90071 USA Tel: 1-213-262-3807	Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building Vila Olimpia Sao Paulo - SP 04551-060 Brazil Tel: 55-11-2789-2100
PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia District 8, Treasury Tower Building Lt. 50 Sudirman Central Business District Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-54 Jakarta Selatan 12190 Indonesia Tel: 62-21-5088-7000	Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd. 6 Battery Road, #11-01 Singapore 049909 Republic of Singapore Tel: 65-6671-9845	Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC 7F, Le Meridien Building 3C Ton Duc Thang St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)
Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC #406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17 1 Khoroo, Sukhbaatar District Ulaanbaatar 14240 Mongolia Tel: 976-7011-0806	Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd 2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699	Beijing Representative Office 2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District Beijing 100022 China Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)
Shanghai Representative Office 38T31, 38F, Shanghai World Financial Center 100 Century Avenue, Pudong New Area Shanghai 200120 China Tel: 86-21-5013-6392	Ho Chi Minh Representative Office 7F, Saigon Royal Building 91 Pasteur St. District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City Vietnam Tel: 84-8-3910-7715	Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098 India Tel: 91-22-62661336